

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
KINH TẾ-CÔNG NGHỆ THÁI NGUYÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 446 /TB-TUETECH-HĐTS

Thái Nguyên, ngày 07 tháng 07 năm 2026

THÔNG BÁO

**Ngưỡng điểm xét tuyển đối với từng ngành đào tạo Đại học chính quy vào
Trường Đại học Kinh tế - Công nghệ Thái Nguyên đợt 1 năm 2026**

Căn cứ Thông tư số 06/2026/TT-BGDĐT ngày 15/02/2026 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tuyển sinh các ngành đào tạo trình độ đại học và ngành Giáo dục Mầm non trình độ cao đẳng;

Căn cứ Quyết định số 678/BGDĐT-GDDH ngày 14/3/2025 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc ban hành Chuẩn chương trình đào tạo lĩnh vực Pháp luật trình độ đại học;

Căn cứ Thông tin tuyển sinh năm 2026 của Trường Đại học Kinh tế - Công nghệ Thái Nguyên;

Căn cứ kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2026;

Căn cứ Biên bản họp Hội đồng tuyển sinh đại học chính quy ngày 06 tháng 7 năm 2026 của Trường Đại học Kinh tế - Công nghệ Thái Nguyên.

Hội đồng tuyển sinh Trường Đại học Kinh tế - Công nghệ Thái Nguyên thông báo ngưỡng điểm xét tuyển đối với từng ngành đào tạo đại học chính quy đợt 1 năm 2026 và quy đổi điểm tương đương các phương thức xét tuyển theo điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2026 như sau:

Mã ngành	Ngành học	Chuyên ngành	Mã xét tuyển	Tổ hợp xét tuyển	Chỉ tiêu	Ngưỡng Điểm xét tuyển theo thi TN THPT năm 2026 (các PTXT khác đã quy đổi)
7340101	Quản trị kinh doanh	- Quản trị kinh doanh tổng hợp	AQH	A00, A01, X05(A10), D01, D07, X25(D84))	40	15.0
		- Quản trị doanh nghiệp công nghiệp	AQD			
		- Quản lý kinh tế	AQK			
7340301	Kế toán	- Kế toán tổng hợp	AKH	A00, A01, X05(A10), D01, D07, X25(D84))	40	15.0
		- Kế toán doanh nghiệp công nghiệp	AKD			
7340115	Marketing	- Marketing	AEM	A00, A01, X05(A10), D01, D07, X25(D84))	70	15.0
		- Marketing thương mại	AET			

7380101	Luật	- Luật	ALU	C00; D01; D07; D15; X05 (A10); X25 (D84)	40	20.0
		- Luật Dân sự	ALD			
		- Luật hình sự	ALH			
7480201	Công nghệ thông tin	- Công nghệ thông tin	ATC	A00; A01; C01; C02; D01; D07.	40	15.0
7520103	Kỹ thuật cơ khí	- Cơ khí chế tạo máy	ACK	A00; A01; C01; C02; D01; D07	40	15.0
		- Cơ khí động lực – ô tô	ACO			
		- Công nghệ kỹ thuật cơ khí	ACN			
7520201	Kỹ thuật điện	- Điện tự động hóa	ADT	A00; A01; C01; C02; D01; D07	40	15.0
		- Hệ thống điện	ADH			
		- Công nghệ kỹ thuật điện	ADC			
7520114	Kỹ thuật Cơ điện tử	- Kỹ thuật Cơ điện tử	AIC	A00; A01; C01; C02; D01; D07	100	15.0
7510303	Công nghệ kỹ thuật điều khiển và tự động hóa	- Công nghệ kỹ thuật điều khiển;	AGK	A00; A01; C01; C02; D01; D07	65	15.0
		- Công nghệ tự động hóa	AGT			
7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	- Ngôn ngữ Hàn Quốc	AHH	A01, D01, D07, D10, D14, D15	50	15.0
7220201	Ngôn ngữ Anh	- Ngôn ngữ Anh	AAA	A01, D01, D07, D10, D14, D15	40	15.0

Ghi chú: Ngưỡng điểm xét tuyển lấy theo điểm thi tốt nghiệp THPT 2026 là tổng điểm 3 môn thi trong tổ hợp đăng ký xét tuyển + điểm ưu tiên khu vực, đối tượng (nếu có). Ngưỡng điểm này cũng là ngưỡng điểm xét tuyển của các phương thức xét tuyển (PTXT) theo học bạ THPT đã được quy đổi tương đương theo điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2026. Ngưỡng điểm xét tuyển tính theo thang điểm 30.

II. Quy tắc quy đổi tương đương điểm xét tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh

2.1. Xét tuyển theo điểm thi tốt nghiệp THPT năm 2026

*. Điểm xét tuyển:

- Điểm xét tuyển = Điểm môn 1 + Điểm môn 2 + Điểm môn 3 + điểm UT (nếu có)

Trong đó:

+ Các môn 1, môn 2, môn 3 được xác định theo các tổ hợp xét tuyển.

+ Điểm UT là điểm ưu tiên khu vực, đối tượng (nếu có) và được tính theo quy chế tuyển sinh hiện hành.

*. Điểm xét tuyển giữa các tổ hợp là tương đương nhau (không có chênh lệch điểm giữa các tổ hợp).

2.2. Xét tuyển theo kết quả học tập ghi trong học bạ THPT

*. Điểm xét tuyển:

- Điểm trung bình chung của môn xét tuyển (TBC) = (Điểm TB cả năm lớp 10 + Điểm TB cả năm lớp 11 + Điểm TB cả năm lớp 12)/3.

- Điểm học bạ = Điểm TBC môn 1 + Điểm TBC môn 2 + Điểm TBC môn 3 + điểm UT (nếu có).

Trong đó:

+ Các môn 1, môn 2, môn 3 được xác định theo các tổ hợp xét tuyển.

+ Điểm UT là điểm ưu tiên khu vực, đối tượng (nếu có) và được tính theo quy chế tuyển sinh hiện hành.

- Điểm xét tuyển (quy đổi tương đương) được xác định theo bảng bách phân vị với các tổ hợp là như nhau và được cụ thể như sau:

Khoảng	Tổ hợp xét tuyển	
	Học bạ ($a < x < b$)	Thi TN THPT ($c < y < d$)
Khoảng 1	$17 < x \leq 19$	$15 < y \leq 16$
Khoảng 2	$19 < x \leq 20$	$16 < y \leq 17$
Khoảng 3	$20 < x \leq 23$	$17 < y \leq 21$
Khoảng 4	$23 < x \leq 26$	$21 < y \leq 25$
Khoảng 5	$26 < x \leq 27$	$25 < y \leq 26,5$
Khoảng 6	$27 < x \leq 30$	$26,5 < y \leq 30$

Trong đó quy đổi tương đương điểm tổ hợp xét tuyển theo tổ hợp môn thi (không phân biệt các tổ hợp) tốt nghiệp THPT 2026 (đã cộng điểm ưu tiên) ở các khoảng điểm trong bảng bách phân vị được áp dụng theo công thức nội suy tuyến tính sau:

$$y = c + \left(\frac{x-a}{b-a} \right) * (d - c)$$

Ví dụ, một thí sinh có điểm học bạ theo tổ hợp $x = 23,5$ trong khoảng $23 < x < 26$, nên $a = 23$; $b = 26$; $c = 21$ và $d = 25$. Áp dụng công thức nội suy tuyến tính: y (điểm quy đổi tương đương) = $c + \left(\frac{x-a}{b-a} \right) * (d - c) = 21 + \left(\frac{23,5-23}{26-23} \right) * (25 - 21) = 21,67$

nghĩa là 23,5 điểm học bạ tương đương với 21,67 điểm thi TN THPT.

*. Điểm xét tuyển giữa các tổ hợp là tương đương nhau (không có chênh lệch điểm giữa các tổ hợp)/.

Nơi nhận: 

- HT, PHT (để b/c);
- Website;
- HĐTS (t/h);
- Lưu VT, ĐT.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TUYỂN SINH
HIỆU TRƯỞNG



GS. TS. Nguyễn Đăng Bình